TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 13/6/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tăng Thị Nhật Minh.
2. Ông Nguyễn Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên

Vào ngày 08 và ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn***: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1974.
Địa chỉ: đường T, phường L, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

+ ***Bị đơn***: Ông **Ngô Xuân N**, sinh năm 1983 và bà **Đặng Thị D**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: đường Y, xã M, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/02/2023, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, bà có cho ông N bà D vay tiền rất nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 08/9/2021 cho bà D, ông N vay 500.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay khi nào cần thì bà báo trước bà D mấy ngày bà D trả, lãi sẽ trả hàng tháng.

Ngày 20/9/2021 cho bà D, ông N vay 300.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay khi nào cần thì bà báo trước bà D mấy ngày bà D trả, lãi sẽ trả hàng tháng.

Ngày 23/9/2021 cho bà D, ông N vay 700.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay khi nào cần thì bà báo trước bà D mấy ngày bà D trả, lãi sẽ trả hàng tháng.

Ngày 26/9/2021 cho bà D, ông N vay 1.100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.700đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay từ 01 đến 05 ngày.

Ngày 28/9/2021 cho bà D, ông N vay 600.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.700đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay từ 01 đến 05 ngày.

Ngày 01/10/2021 cho bà D, ông N vay 500.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.700đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay từ 01 đến 05 ngày.

Ngày 07/10/2021 cho bà D, ông N vay 650.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.700đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay từ 01 đến 05 ngày.

Ngày 12/10/2021 cho bà D, ông N vay 400.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.700đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay từ 01 đến 05 ngày.

Ngày 14/10/2021 cho bà D, ông N vay 250.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.700đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay từ 01 đến 05 ngày.

Tổng số tiền vay trên là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) các số tiền vay trên bà D, ông N có viết giấy nợ cho bà. Trong các khoản vay trên thì hai bên có thỏa thuận số tiền 2.000.000.000đ tiền lãi giảm là 1.200đ/ngày/1 triệu.

Ngoài ra bà còn cho ông N, bà D vay bằng việc chuyển khoản vào tài khoản của ông N số tài khoản 1060103060008 các lần như sau: Ngày 13/09/2021 bà chuyển khoản 200.000.000đ và Ngày 16/9/2021 bà chuyển khoản 300.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.700đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay từ 01 đến 05 ngày. Sau đó vào ngày 18/9/2021 ông N trả cho bà 18.000.000đ; ngày 17/10/2021 ông N trả cho bà 12.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ đây là số tiền ông N, bà D bảo trả vào tiền gốc, nên khoản chuyển khoản này ông N, bà D còn nợ bà 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng)

Tổng số tiền ông N, bà D còn nợ của bà là 5.470.000.000đ (Năm tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

Trong quá trình vay nợ, ông N, bà D đã trả tiền lãi cho bà nhiều lần là 1.604.370.000đ (một tỷ sáu trăm linh bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), nay bà đồng ý theo lãi suất là 20%/năm (1,66%/tháng) và số tiền trả vượt quá tiền lãi bà đồng ý trừ vào tiền gốc cho ông N, bà D, theo từng thời điểm vay và trả lãi, cụ thể:

1. Ngày 30/9/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 29.850.000đ; Số tiền vay gốc từ ngày 08/9/2021 đến ngày 30/9/2021 là 3.682.000.000đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 08/9/2021 đến ngày 30/9/2021 là 17.470.685đ, ông N bà D đã trả dư 12.379.315đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 30/9/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 3.682.000.000đ – 17.470.685đ = 3.669.620.685đ.

2. Ngày 06/10/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 39.550.000đ; Số tiền vay gốc từ ngày 30/9/2021 đến ngày 06/10/2021 là 4.169.620.685đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 01/10/2021 đến ngày 06/10/2021 là 13.434.369đ, ông N bà D đã trả dư 26.115.631đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 06/10/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 4.169.620.685đ – 26.115.631đ = 4.143.505.054đ.

3. Ngày 11/10/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 36.720.000đ; Số tiền vay gốc từ ngày 06/10/2021 đến ngày 07/10/2021 là 4.793.505.054đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 07/10/2021 đến ngày 11/10/2021 là 12.776.726đ, ông N bà D đã trả dư 23.943.274đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 11/10/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 4.793.505.054đ – 23.943.274đ = 4.769.561.780đ.

4. Ngày 24/10/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 45.250.000đ; Số tiền vay gốc từ ngày 06/10/2021 đến ngày 24/10/2021 là 5.407.561.780đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 11/10/2021 đến ngày 24/10/2021 là 37.928.933đ, ông N bà D đã trả dư 7.321.067đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 24/10/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.407.561.780đ – 7.321.067đ = 5.400.204.714đ.

5. Ngày 27/10/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 42.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.400.204.714đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 24/10/2021 đến ngày 27/10/2021 là 8.877.108đ, ông N bà D đã trả dư 33.122.892đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 27/10/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.400.204.714 – 33.122.892đ = 5.367.117.822đ.

6. Ngày 29/10/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 47.250.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.367.117.822đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 27/10/2021 đến ngày 29/10/2021 là 5.881.773đ, ông N bà D đã trả dư 41.368.227đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 29/10/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.367.117.822đ – 33.122.892đ = 5.325.749.595đ.

7. Ngày 04/11/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 47.250.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.325.749.595đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 29/10/2021 đến ngày 04/11/2021 là 17.509.314đ, ông N bà D đã trả dư 29.740.686đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 04/11/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.325.749.595đ – 29.740.686đ = 5.296.088.908đ.

8. Ngày 09/11/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 47.250.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.296.088.908đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 04/11/2021 đến ngày 09/11/2021 là 14.509.613đ, ông N bà D đã trả dư 32.740.387đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 09/11/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.296.088.908đ – 32.740.387đ = 5.263.268.522đ.

9. Ngày 11/11/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.263.268.522đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 09/11/2021 đến ngày 11/11/2021 là 5.767.966đ, ông N bà D đã trả dư 24.232.034đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 11/11/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.263.268.522đ – 24.232.034đ = 5.239.036.487đ.

10. Ngày 19/11/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 47.250.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.239.036.487đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 11/11/2021 đến ngày 19/11/2021 là

22.965.639đ, ông N bà D đã trả dư 24.284.361đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 19/11/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.239.036.487đ – 24.284.361đ = 5.214.752.127đ.

11. Ngày 24/11/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.214.752.127đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 19/11/2021 đến ngày 24/11/2021 là 14.286.992đ, ông N bà D đã trả dư 15.713.008đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 24/11/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.214.752.127đ – 15.713.088đ = 5.199.039.119đ.

12. Ngày 27/11/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 42.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.199.039.119đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 24/11/2021 đến ngày 27/11/2021 là 8.546.366đ, ông N bà D đã trả dư 33.453.634đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 27/11/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.199.039.119đ – 33.453.634đ = 5.165.585.485đ.

13. Ngày 03/12/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.165.585.485đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 27/11/2021 đến ngày 03/12/2021 là 16.982.747đ, ông N bà D đã trả dư 13.017.253đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 03/12/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.165.585.485đ – 13.017.253đ = 5.152.568.231đ.

14. Ngày 08/12/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 11.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.152.568.231đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 03/12/2021 đến ngày 08/12/2021 là 14.116.625đ, ông N bà D còn nợ bà tiền lãi là 3.116.625đ, Như vậy tiền gốc sau ngày 08/12/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.152.568.231đ và tiền lãi là 3.166.625đ.

15. Ngày 13/12/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.152.568.231đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 08/12/2021 đến ngày 13/12/2021 là 14.116.625đ + tiền lãi còn nợ là 3.116.625đ = 17.233.251đ. Như vậy tiền gốc sau ngày 13/12/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.152.568.231đ – 12.766.749đ = 5.139.801.482đ.

16. Ngày 15/12/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 15.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.139.801.482đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 13/12/2021 đến ngày 15/12/2021 là 5.632.659đ, ông N bà D đã trả dư 9.367.341đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 15/12/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.139.801.482đ – 9.367.341đ = 5.130.434.141đ.

17. Ngày 20/12/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.130.434.141đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 15/12/2021 đến ngày 20/12/2021 là 14.055.984đ, ông N bà D đã trả dư 5.944.016đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 20/12/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.130.434.141đ – 5.944.016đ = 5.124.490.125đ.

18. Ngày 25/12/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 42.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.124.490.125đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 20/12/2021 đến ngày 25/12/2021 là 14.039.699đ, ông N bà D đã trả dư 27.960.301đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 25/12/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.124.490.125đ – 27.960.301đ = 5.096.529.824đ.

19. Ngày 28/12/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 18.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.096.529.824đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 25/12/2021 đến ngày 28/12/2021 là 8.377.857đ, ông N bà D đã trả dư 9.622.134đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 28/12/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.096.529.824đ – 9.622.143đ = 5.086.907.681đ.

20. Ngày 30/12/2021 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.086.907.681đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 28/12/2021 đến ngày 30/12/2021 là 5.574.693đ, ông N bà D đã trả dư 14.425.307đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 30/12/2021 ông N, bà D còn nợ bà là 5.086.907.681đ – 14.425.307đ = 5.072.482.375đ.

21. Ngày 04/01/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.072.482.375đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 30/12/2021 đến ngày 04/01/2022 là 13.897.212đ, ông N bà D đã trả dư 6.102.788đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 04/01/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 5.072.482.375đ – 6.102.788đ = 5.066.379.587đ.

22. Ngày 10/01/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.066.379.587đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 04/01/2022 đến ngày 10/01/2022 là 16.656.590đ, ông N bà D đã trả dư 13.343.410đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 10/01/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 5.066.379.587đ – 13.343.410đ = 5.053.036.177đ.

23. Ngày 17/01/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.053.036.177đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 10/01/2022 đến ngày 17/01/2022 là 19.381.509đ, ông N bà D đã trả dư 10.618.491đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 17/01/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 5.053.036.177đ – 10.618.491đ = 5.042.417.686đ.

24. Ngày 18/01/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.042.417.686đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 17/01/2022 đến ngày 18/01/2022 là 2.762.969đ, ông N bà D đã trả dư 27.237.031đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 18/01/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 5.042.417.686đ – 27.237.031đ = 5.015.180.654đ.

25. Ngày 29/01/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 60.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 5.015.180.654đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 18/01/2022 đến ngày 29/01/2022 là

30.228.486đ, ông N bà D đã trả dư 29.771.514đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 29/01/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 5.015.180.654đ – 29.771.514đ = 4.985.409.140đ.

26. Ngày 12/02/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.985.409.140đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 29/01/2022 đến ngày 12/02/2022 là 38.244.235đ, ông N bà D còn thiếu 8.244.235đ. Như vậy ông N, bà D còn nợ bà tiền gốc là 4.985.409.140đ và tiền lãi là 8.244.235đ.

27. Ngày 16/02/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 14.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.985.409.140đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 12/02/2022 đến ngày 16/02/2022 là 10.926.924đ + lãi còn thiếu 8.244.235đ = 19.171.159đ, ông N bà D còn thiếu 5.171.159đ. Như vậy, ông N bà D nợ bà tiền gốc là 4.985.409.140đ và tiền lãi là 5.171.159đ.

28. Ngày 02/03/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 42.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.985.409.140đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 16/02/2022 đến ngày 02/03/2022 là 38.244.234đ + lãi còn thiếu 5.171.159đ = 43.415.393đ, ông N bà D còn thiếu 1.415.393đ. Như vậy, ông N bà D nợ bà tiền gốc là 4.985.409.140đ và tiền lãi là 1.415.393đ.

29. Ngày 08/3/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 18.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.985.409.140đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 02/3/2022 đến ngày 08/3/2022 là 16.390.386đ + lãi còn thiếu 1.415.393đ = 17.805.779đ, ông N bà D đã trả dư 194.221đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 08/3/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.985.409.140đ – 1.415.393đ = 4.985.214.920đ.

30. Ngày 11/3/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.985.214.920đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 08/3/2022 đến ngày 11/3/2022 là 8.194.874đ, ông N bà D đã trả dư 11.085.126đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 11/3/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.985.214.920đ – 11.085.126đ = 4.973.409.794đ.

31. Ngày 12/3/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 15.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.973.409.794đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 11/3/2022 đến ngày 12/3/2022 là 2.725.156đ, ông N bà D đã trả dư 12.274.844đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 12/3/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.973.409.794đ – 12.274.844đ = 4.961.134.950đ.

32. Ngày 16/3/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.961.134.950đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 12/3/2023 đến ngày 16/3/2022 là 10.873.720đ, ông N bà D đã trả dư 19.126.280đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 16/3/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.961.134.950đ – 19.126.280đ = 4.942.008.670đ.

33. Ngày 19/3/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.942.008.670đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 16/3/2023 đến ngày 19/3/2022 là 8.123.850đ, ông N bà D đã trả dư 21.876.150đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 19/3/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.942.008.670đ – 21.876.150đ = 4.920.132.520đ.

34. Ngày 20/3/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 14.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4. 920.132.520đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 19/3/2023 đến ngày 20/3/2022 là 2.695.963đ, ông N bà D đã trả dư 11.304.037đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 20/3/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.920.132.520đ – 11.034.037đ = 4.908.828.483đ.

35. Ngày 22/3/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 18.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.908.828.483đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 20/3/2023 đến ngày 22/3/2022 là 5.379.538đ, ông N bà D đã trả dư 12.620.462đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 22/3/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.908.828.483đ – 12.620.462đ = 4.896.208.021đ.

36. Ngày 30/3/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 42.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.896.208.021đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 22/3/2023 đến ngày 30/3/2022 là 21.462.830đ, ông N bà D đã trả dư 20.537.170đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 30/3/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.896.208.021đ – 20.537.170đ = 4.875.670.851đ.

37. Ngày 02/4/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4. 875.670.851đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 30/3/2023 đến ngày 02/04/2022 là 8.014.801đ, ông N bà D đã trả dư 21.985.199đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 02/4/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.875.670.851đ – 21.985.199đ = 4.853.685.652đ.

38. Ngày 04/4/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 16.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.853.685.652đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 02/4/4/2022 đến ngày 04/04/2022 là 5.319.108đ, ông N bà D đã trả dư 10.680.892đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 04/4/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.853.685.652đ – 10.680.892đ = 4.843.004.760đ.

39. Ngày 07/4/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 15.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.843.004.760đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 04/4/2022 đến ngày 07/04/2022 là 7.961.104đ, ông N bà D đã trả dư 7.038.896đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 07/4/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.843.004.760đ – 7.038.896đ = 4.835.965.863đ.

40. Ngày 09/4/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.835.965.863đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 07/4/2022 đến ngày 09/04/2022 là

5.299.689đ, ông N bà D đã trả dư 24.700.311đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 09/4/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.835.965.863đ – 24.700.311đ = 4.811.265.552đ.

41. Ngày 17/4/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.811.265.552đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 09/4/2022 đến ngày 17/04/2022 là 21.090.479đ, ông N bà D đã trả dư 8.909.521đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 17/4/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.811.265.552đ – 8.909.521đ = 4.802.356.031đ.

42. Ngày 18/4/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 15.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.802.356.031đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 17/4/2022 đến ngày 18/04/2022 là 2.631.428đ, ông N bà D đã trả dư 12.368.572đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 18/4/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.802.356.031đ – 12.368.572đ = 4.789.987.459đ.

43. Ngày 26/4/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 60.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.789.987.459đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 18/4/2022 đến ngày 26/04/2022 là 20.997.205đ, ông N bà D đã trả dư 39.002.795đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 26/4/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.789.987.459đ – 39.002.795đ = 4.750.984.664đ.

44. Ngày 29/4/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.750.984.664đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 26/4/2022 đến ngày 29/04/2022 là 7.809.838đ, ông N bà D đã trả dư 12.190.162đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 29/4/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.750.984.664đ – 12.190.162đ = 4.738.794.502đ.

45. Ngày 05/5/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.738.794.502đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 29/4/2022 đến ngày 05/5/2022 là 15.579.598đ, ông N bà D đã trả dư 4.420.402đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 05/5/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.738.794.502đ – 4.420.402đ = 4.734.374.101đ.

46. Ngày 06/5/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.734.374.101đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 05/5/2022 đến ngày 06/5/2022 là 2.594.178đ, ông N bà D đã trả dư 17.405.822đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 06/5/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.734.374.101đ – 17.405.822đ = 4.716.968.278đ.

47. Ngày 10/5/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.716.968.278đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 06/5/2022 đến ngày 10/5/2022 là 10.338.561đ, ông N bà D đã trả dư 19.661.439đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 10/5/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.716.968.278đ – 19.661.439đ = 4.697.306.839đ.

48. Ngày 17/5/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.697.306.839đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 10/5/2022 đến ngày 17/5/2022 là 18.017.067đ, ông N bà D đã trả dư 1.982.933đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 17/5/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.697.306.839đ – 1.982.933đ = 4.695.323.906đ.

49. Ngày 23/5/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.695.323.906đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 17/5/2022 đến ngày 23/5/2022 là 15.436.681đ, ông N bà D đã trả dư 14.563.319đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 23/5/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.695.323.906đ – 14.563.319đ = 4.680.760.587đ.

50. Ngày 25/5/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.680.760.587đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 23/5/2022 đến ngày 25/5/2022 là 5.129.601đ, ông N bà D đã trả dư 24.870.399đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 25/5/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.680.760.587đ – 24.870.399đ = 4.655.890.188đ.

51. Ngày 26/5/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.655.890.188đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 25/5/2022 đến ngày 26/5/2022 là 2.551.173đ, ông N bà D đã trả dư 27.448.827đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 26/5/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.655.890.188đ – 27.448.827đ = 4.628.441.361đ.

52. Ngày 03/6/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 20.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.628.441.361đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 26/5/2022 đến ngày 03/6/2022 là 20.289.058đ, ông N bà D còn thiếu 289.058đ. Như vậy ông N, bà D còn nợ bà tiền gốc là 4.628.441.361đ và tiền lãi là 289.058đ.

53. Ngày 05/6/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 15.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.628.441.361đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 03/6/2022 đến ngày 05/6/2022 là 5.361.323đ, ông N bà D đã trả dư 9.638.677đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 05/6/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.628.441.361đ – 9.638.677đ = 4.618.802.683đ.

54. Ngày 12/6/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 30.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.618.802.683đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 05/6/2022 đến ngày 12/6/2022 là 17.715.955đ, ông N bà D đã trả dư 12.284.045đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy tiền gốc sau ngày 12/6/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.618.802.683đ – 12.284.045đ = 4.606.518.639đ.

55. Ngày 14/6/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 15.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.606.518.639đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 12/6/2022 đến ngày 14/6/2022 là 5.048.240đ, ông N bà D đã trả dư 9.951.760đ, bà đồng ý trừ vào tiền gốc. Như vậy

tiền gốc sau ngày 14/6/2022 ông N, bà D còn nợ bà là 4.606.518.639đ – 9.951.760đ = 4.596.566.878đ.

56. Ngày 20/6/2022 ông N, bà D trả cho bà số tiền 15.000.000đ; Số tiền vay gốc ông bà còn nợ là 4.596.566.878đ, tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm của các khoản vay trên từ ngày 14/6/2022 đến ngày 20/6/2022 là 15.112.001đ, ông N bà D còn thiếu 112.001đ. Như vậy ông N, bà D còn nợ bà tiền gốc là 4.596.566.878đ và tiền lãi là 112.001đ.

Từ ngày 20/6/2022 ông N bà D còn nợ bà tiền gốc 4.596.566.878đ và tiền lãi là 112.001đ. Từ đó đến nay, ông N, bà D không trả cho bà khoản nào nữa, bà yêu cầu bà D, ông N trả tiền lãi cho bà từ ngày 20/6/2022 đến khi kết thúc phiên tòa, cụ thể nay bà khởi kiện yêu cầu ông N, bà D trả cho bà số tiền vay gốc là 4.596.566.878đ và tiền lãi là từ ngày 20/6/2022 đến ngày 08/6/2023 là 11 tháng 18 ngày x 1.66%/tháng = 862.965.263đ. Tổng cộng gốc và lãi là 5.459.532.141đ

Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị D trình bày: Trong quá trình làm ăn có vay tiền của bà M nhiều lần như bà M trình bày là đúng.

Đối với các khoản vay ngày 08/9/2021 số tiền vay 500.000.000đ; ngày 20/9/2021 số tiền vay 300.000.000đ; Ngày 23/9/2021 số tiền vay 700.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/ngày/ 1 triệu; thời hạn vay khi nào bà M cần thì báo trước cho bà mấy ngày để bà trả, tiền lãi thì trả hàng tháng.

Đối với các khoản ngày 26/9/2021 số tiền 1.100.000.000đ; ngày 28/9/2021 số tiền 600.000.000đ; ngày 01/10/2021 số tiền 500.000.000đ; ngày 07/10/2021 số tiền 650.000.000đ; ngày 12/10/2021 số tiền 400.000.000đ; ngày 14/10/2021 số tiền 250.000.000đ. Tổng số tiền vay này là 3.500.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.700đ/ngày/ 1 triệu; sau đó hai bên có thỏa thuận trong 3.500.000.000đ này thì 2.000.000.000đ lãi là 1.200đ/ngày/1 triệu, thời hạn vay từ 01 đến 05 ngày. Bà có viết giấy vay tiền cho bà M, chữ ký và chữ viết Đặng Thị D là của bà.

Đối với số tiền ngày 13/09/2021 bà M chuyển khoản 200.000.000đ và ngày 16/9/2021 bà chuyển khoản 300.000.000đ vào tài khoản ông N số tài khoản 1060103060008 là do lúc đó tài khoản bà bị lỗi không nhận được tiền nên bà có nhờ bà M gửi vào tài khoản của ông N, sau khi ông N nhận tiền bà có nhờ ông N chuyển tiền cho bà T, việc bà làm ăn vay mượn với bà M như thế nào ông N không biết, không liên quan gì. Bà M với bà T không liên quan gì trong quá trình vay mượn giữa bà và bà M. Quá trình vay bà M, bà có nhờ ông N đưa tiền cho bà M hai lần nhưng đưa tiền gì và bao nhiêu thì bà không nhớ. Số tiền 500.000.000đ bà M chuyển khoản vào tài khoản của ông N bà đã trả cho bà M bằng tiền mặt nên khi viết giấy nhận nợ cho bà M viết vào ngày 14/10/2021, các khoản vay từ ngày 26/9/2021 đến ngày 14/10/2021 chữ ký và chữ viết Đặng Thị D, không có số tiền của ngày 13/9/2021 và ngày 16/9/2021 hoặc có thể được ghi vào số tiền vay 1.100.000.000đ của ngày 26/09/2021.

Số tiền gốc bà còn nợ bà M là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng), tiền lãi bà đã trả cho bà M là 1.604.370.000đ (một tỷ sáu trăm linh bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà và ông N trả số tiền gốc là

4.596.566.878đ và tiền lãi là 862.965.263đ thì bà xác định số tiền gốc trừ 500.000.000đ bà đã trả, về tiền lãi thì đề nghị xem xét vì nay bà khó khăn không thể trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ngô Xuân N trình bày: Ông không biết bà M là ai, trong quá trình bà D vay tiền với bà M như thế nào ông không biết. Vào tháng 9/2021 bà D có nói do tài khoản của Ngân hàng bị lỗi nên bà D có nhờ ông, có bà M chuyển tiền vào tài khoản của ông thì ông chuyển vào tài khoản cho bà T. Ngày 13/09/2021 bà M chuyển vào tài khoản 1060103060008 Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội đứng tên Ngô Xuân N số tiền 200.000.000đ, khi nhận số tiền này thì ngày 13/9/2021 ông chuyển cho bà T 160.000.000đ, ngày 17/9/2021 ông chuyển cho bà D 40.000.000đ; ngày 17/9/2021 bà M chuyển cho ông vào số tài khoản trên số tiền là 300.000.000đ, sau khi nhận ông chuyển cho bà T số tiền 300.000.000đ. Ông chỉ là người trung gian nhận tiền và chuyển tiền cho người khác chứ không biết tiền gì. Trong quá trình bà D làm ăn với bà M thì bà D có nhờ ông đến nhà bà M hai lần, bà D nhờ ông đưa tiền đến cho bà M, cụ thể bao nhiêu ông không biết, khoảng mấy chục triệu, tiền gì thì ông cũng không biết. Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông và bà D trả số tiền gốc là 4.596.566.878đ và tiền lãi là 862.965.263đ thì ông không đồng ý vì ông không liên quan.

Ngày 05/05/2023 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, buộc bà Đặng Thị D ông Ngô Xuân N có trách nhiệm trả cho bà M số tiền gốc và lãi là 5.459.532.141đ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn là ông Ngô Xuân N, bà Đặng Thị D, cư trú tại địa chỉ: đường Y, xã M, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà ông Ngô Xuân N bà Đặng Thị D trả số tiền vay gốc còn 4.596.566.878đ và tiền lãi là 862.965.263đ.

[2.1] Đối với số tiền vay gốc 4.596.566.878đ, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện trong khoảng thời

gian tháng 9 và tháng 10 năm 2021 bà M có cho bà D, ông N vay tiền nhiều lần tổng cộng là 5.500.000.000đ (Năm tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vay tiền để làm ăn. Bị đơn cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy tiền là của bà Đặng Thị D và chuyển khoản vào tài khoản của ông Ngô Xuân N. Về tiền lãi đã trả bà M và bà D thống nhất số tiền lãi bà D đã trả cho bà M là 1.604.370.000đ (một tỷ sáu trăm linh bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), như vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".*

Đối với số tiền 500.000.000đ bà M chuyển khoản vào tài khoản của ông N, quá trình giải quyết vụ án bà D trình bày bà đã trả bằng tiền mặt nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay bà D trình bày số tiền 500.000.000đ có thể bà đã trả cho bà M bằng tiền mặt hoặc có thể được ghi vào số tiền vay 1.100.000.000đ của ngày 26/09/2021 như vậy lời khai của bà D là không thống nhất, không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận, đối với số tiền lãi bị đơn trả cho nguyên đơn vượt quá quy định, nguyên đơn đã trừ vào tiền gốc cho bị đơn tại từng thời điểm trả lãi là phù hợp.

Như vậy, số tiền gốc mà bà M cho ông N, bà D vay là 5.500.000.000đ, nguyên đơn trình bày đã trả 30.000.000đ tiền gốc nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc 5.470.000.000đ là có căn cứ. Trong quá trình vay các bên thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định, nay bà M đã tự tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm, số tiền bà D trả dư bà M trừ vào tiền gốc tại từng thời điểm vay và trả lãi như bà M đã trình bày và được thể hiện từ bút lục 211-221 là phù hợp với quy định của pháp luật, sau khi tính lãi vượt quá quy định pháp luật trừ vào tiền gốc đến ngày 20/6/2021 thấy rằng bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 4.596.566.878đ và tiền lãi 112.000đ là có căn cứ.

Đối với ý kiến của ông N, bà D khai rằng việc vay nợ giữa bà D và bà M, ông N không biết, không liên quan thấy rằng: mặc dù trong các giấy vay tiền bà D là người viết, ký tên và ghi rõ họ tên, không có chữ ký ông N nhưng bà D trình bày bà D vay tiền của bà M để cho bà T vay và đáo hạn ngân hàng, bà M có hai lần chuyển khoản vào tài khoản của ông N số tiền là 500.000.000đ, ông N chuyển khoản cho bà T ngày 13/9/2021 số tiền 160.000.000đ và ngày 16/9/2021 ông N chuyển khoản cho bà T số tiền là 300.000.000đ và có 02 lần ông N đến nhà bà M trả tiền cho bà M nên việc ông N, bà D trình bày ông N không biết, không liên quan là không có cơ sở. Ngoài ra, ông N bà D trình bày vào ngày 13/9/2021 và ngày 16/9/2021 tài khoản của bà D bị lỗi không thực hiện được giao dịch được nên nhờ tài khoản ông N nhưng theo chứng cứ bà D cung cấp sao kê tài khoản của bà D (để chứng minh việc trả lãi cho bà M) thì vào ngày 13/9/2021 và ngày 16/9/2021 tài khoản bà D vẫn phát sinh giao dịch nên lời trình bày tài khoản bà D bị lỗi nhờ tài khoản ông N là không phù hợp với chứng cứ do bà D cung cấp. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình cần buộc ông N và bà D cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà M.

[2.2] Đối với yêu cầu tiền lãi:

Xét quá trình cho vay giữa bà M và bà D có thống nhất các khoản vay mức lãi là 2.700đ/ngày/1 triệu tương đương 97.2%/năm; 2.000đ/ngày/1triệu tương đương 72%/năm; 1.200đ/ngày/1 triệu tương đương 43.2%/năm, mức lãi suất các bên thỏa thuận là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 15/4/2023 bà M đã tính lãi suất lại lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm = 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà M và bà D thống nhất số tiền lãi bà D đã trả cho bà M là 1.604.370.000đ (một tỷ sáu trăm linh bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), theo văn bản trình bày ý kiến ngày 15/4/2023 của bà Nguyễn Thị M đã tính theo lãi suất là 20%/năm và số tiền trả vượt quá tiền lãi bà đồng ý trừ vào tiền gốc cho ông N, bà D, theo từng thời điểm vay và trả lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đến ngày 20/6/2022 ông N bà D còn nợ bà 4.596.566.878đ tiền gốc, từ đó đến nay bà D ông N chưa trả cho bà khoản nào. Nay bà M yêu cầu ông N, bà D trả tiền lãi từ ngày 20/6/2022 đến ngày 13/6/2023 là 11 tháng 24 ngày x 4.596.566.878đ x 1.66%/tháng = 900.375.502đ là phù hợp.

Như vậy, cần buộc ông Ngô Xuân N, bà Đặng Thị D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 5.496.942.380đ (năm tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền gốc 4.596.566.878đ và tiền lãi là 900.375.502đ.

[3] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

[4] Đối với tiền nợ huê bà D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M với ông Ngô Xuân N, bà Đặng Thị D về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

[7] Về án phí: Yêu cầu của bà M được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Buộc ông Ngô Xuân N, bà Đặng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Đặng Thị D và ông Ngô Xuân N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 5.496.942.380đ (năm tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi hai

nghìn ba trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 4.596.566.878đ và tiền lãi là 900.375.502đ

Kể từ ngày 14/06/2023 cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 73.643.000đ theo biên lai thu số 0005410 ngày 07/11/2022 và biên lai thu số 0005551 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Ông Ngô Xuân N và bà Đặng Thị D phải chịu 113.496.900đ (một trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ VKSND TP. Bảo Lộc;
+ T.H.A Bảo Lộc;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Qui.